TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trường.

Ông Văn Công Trọn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1991 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn Q, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị N và quá trình tố tụng tại Tòa án chị N trình bày: Chị và anh Trịnh Văn Q tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, lối sống, bản thân anh Q không

tôn trọng chị, thường xuyên xúc phạm và đánh chị nhiều lần không sửa đổi, do không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung của chị và anh Q có hai người đang ở với chị gồm Trịnh Tuyết N, sinh ngày 03/11/2011 và Trịnh Sỹ N, sinh ngày 09/11/2014, sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi hai người con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến anh Trịnh Văn Q: Anh và chị Trần Thị N tự nguyện kết hôn vào năm 2010 là đúng, có đăng ký kết hôn như chị N trình bày. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn chủ yếu là do bất hòa nhau, bản thân chị N không tôn trọng anh, chưa làm tròn trách nhiệm trong gia đình anh khuyên không nghe và trong lúc nóng giận nên có đánh chị N. Anh thừa nhận có thiếu sót và hứa sẽ khắc phục sửa đổi nhưng chị N cũng phải sửa chữa thiếu sót của mình, hiện tại con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung có hai người như chị N trình bày, hiện tại anh chị ở riêng nhưng con vẫn qua lại với anh Q, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu nuôi hai người con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của của Trịnh Tuyết N có nguyện vọng ở với chị N và Trịnh Sỹ N có nguyện vọng ở với anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Trần Thị Nn được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Trần Thị N có đơn yêu cầu vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 và của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q được xác lập vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay xảy ra

tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Thời gian chị N và anh Q chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa diệu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị N và anh Q có hai người con chung, sau khi ly hôn chị N và anh Q đều có yêu cầu nuôi con, xét thấy chị N và anh Q đều có đủ điều kiện để nuôi con. Mặc dù, các con hiện đang ở với chị Nn nhưng thực tế vẫn thường xuyên qua lại với anh Q trong khi đó con chung của anh chị là Trịnh Tuyết N có nguyện vọng ở với chị N còn Trịnh Sỹ N có nguyện vọng ở với anh Q. Để tạo điều kiện chăm sóc, giáo dục con cũng như nhằm giúp cho anh chị đỡ gánh nặng trong việc nuôi dạy con sau khi ly hôn nên cần chấp nhận giao cho chị N và anh Q mỗi người nuôi một người con theo nguyện vọng của con là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra. Hiện tại, Trịnh Sỹ N đang ở với chị N nên buộc chị N giao con tên Trịnh Sỹ N cho anh Q nuôi.

Anh Q và chị N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Chị N và anh Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; phần tạm ứng án phí chị N đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị N ly hôn với anh Trịnh Văn Q.

Về con chung: Chị Trần Thị N nuôi con tên Trịnh Tuyết N, sinh ngày 03/11/2011 đang ở với chị; anh Trịnh Văn Q nuôi con tên Trịnh Sỹ N, sinh ngày 09/11/2014, hiện tại Trịnh Sỹ N đang ở với chị N nên buộc chị N giao con tên Trịnh Sỹ N cho anh Q nuôi. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Q và chị N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của nhau.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên anh Q, chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và anh Q, chị N có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng, chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006273 ngày 03/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời gian kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải